

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA NÔNG NGHIỆP
BỘ MÔN KHOA HỌC ĐẤT**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH KHOA HỌC ĐẤT (46)
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT VÀ CÔNG NGHỆ PHÂN BÓN**

Cần Thơ, năm 2020

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KHOA HỌC ĐẤT
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT VÀ CÔNG NGHỆ PHÂN BÓN

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Khoa học Đất, chuyên ngành Quản lý Đất và Công nghệ Phân bón được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Khoa học Đất, chuyên ngành Quản lý Đất và Công nghệ Phân bón
Tên chương trình (tiếng Anh)	Soil Sciences (Soil Management and Fertilizer Technology)
Mã số ngành đào tạo	7620103
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Kỹ sư
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	150 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, giáo dục thường xuyên
Thời gian đào tạo	4,5 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.

Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các sở tài nguyên và môi trường, sở Nông nghiệp & PTNT, sở khoa học và công nghệ, trung tâm khuyến nông, phòng ban nông nghiệp ở tỉnh và huyện; - Làm việc tại các viện nghiên cứu chuyên sâu, trường đại học về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, cơ sở giáo dục đào tạo về nông nghiệp; - Làm việc trong các tổ chức, dự án, doanh nghiệp và công ty hoạt động trong lĩnh vực phân bón, nông nghiệp và môi trường
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu, sáng tạo trong chuyên môn và trong công việc; - Có thể thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu và học tiếp sau đại học (cao học và nghiên cứu sinh) các ngành Khoa học đất, Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng, Biến đổi khí hậu và nông nghiệp nhiệt đới bền vững và các chuyên ngành gần như Quản lý đất đai, Khoa học Môi trường.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục đại học; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản 2015); - Chương trình đào tạo đại học ngành Khoa học Đất của Trường Đại học Melbourne, Trường Đại Học Sydney, Trường Đại Học New England, Úc và Trường Đại học NC State, Mỹ.
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng ... năm

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo là đào tạo kỹ sư Khoa học Đất, chuyên ngành Quản lý đất và Công nghệ Phân bón có kiến thức chuyên môn toàn diện, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường lao động, có tinh thần trách nhiệm cao trong giải quyết những vấn đề khoa học và kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực quản lý đất và công nghệ phân bón phục vụ cho phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

- a. Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn vững chắc về lĩnh vực quản lý đất, công nghệ phân bón, quản lý quy trình sản xuất phân bón, nông nghiệp và môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu công việc có tính cạnh tranh cao như nghiên cứu, phát triển, tư vấn, quản lý và sản xuất nông nghiệp, phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp công nghệ cao.
- b. Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, có khả năng ứng dụng tin học và sử dụng ngoại ngữ.
- c. Trang bị cho sinh viên kỹ năng chuyên nghiệp, khoa học, năng lực nghiên cứu và kỹ năng giao tiếp xã hội cần thiết đáp ứng nhu cầu công việc có tính cạnh tranh cao trong nước và quốc tế, có khả năng lập luận, tư duy phân tích và giải quyết vấn đề tốt, tự học suốt đời, có đủ kiến thức và khả năng tiếp tục theo học các chương trình đào tạo sau đại học ngành Khoa học Đất và các ngành gần trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- d. Đào tạo sinh viên có đủ năng lực làm việc cho các đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, phân bón và môi trường (Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên & Môi trường, các Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Bảo vệ Thực vật, Phòng Nông nghiệp, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công ty sản xuất và kinh doanh phân bón,...), các Viện nghiên cứu và Trường Đại học.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. *Khối kiến thức giáo dục đại cương*

- a. Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Nắm vững kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

3.1.2. *Khối kiến thức cơ sở ngành*

- a. Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học nông nghiệp trong quản lý đất, nước, dinh dưỡng cây trồng và công nghệ phân bón đáp ứng cho thực tiễn sản xuất nông nghiệp.
- b. Hiểu được nguồn gốc hình thành, phân bố và đặc tính của đất nông nghiệp.

- c. Có kiến thức khoa học và kỹ thuật cơ bản về các tiến trình lý, hóa, sinh học đất, về mô hình, mô phỏng, tích hợp số liệu và phần mềm ứng dụng trong quản lý đất, nước, dinh dưỡng đất, cây trồng và công nghệ phân bón.
- d. Nắm vững kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp thiết kế, bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu.
- e. Trang bị kiến thức về hệ thống canh tác nông nghiệp, kỹ thuật canh tác và loại cây trồng.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Ứng dụng được kiến thức chuyên sâu về dinh dưỡng đất, dinh dưỡng cây trồng, kỹ thuật sản xuất các loại phân bón, biện pháp quản lý và cải tạo đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
- b. Phân tích và giải quyết được vấn đề ô nhiễm và suy thoái đất. Tiếp cận mô hình sản xuất thực tế thông qua các chuyến đi thực tập rèn nghề, giáo trình, thực tập môn học và nghiên cứu khoa học.
- c. Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức và quản lý các đề tài, dự án liên quan đến sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổng hợp và vận dụng kiến thức chuyên ngành trong công tác khuyến nông phục vụ cho việc sử dụng và quản lý đất bền vững.
- d. Nắm vững quy trình sản xuất và sử dụng phân bón, áp dụng các biện pháp tổng hợp trong cải tạo đất.
- e. Vận dụng hiệu quả phương pháp khoa học phục vụ cho việc khảo nghiệm và kiểm định phân bón.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- a. Có kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm, xây dựng bản đồ và đánh giá chất lượng đất.
- b. Đề xuất được biện pháp sử dụng và cải tạo đất theo hướng bền vững. Ứng dụng các biện pháp hóa, lý, sinh học và tổng hợp để cải tạo đất có vấn đề.
- c. Có kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý đất và công nghệ phân bón.
- d. Đề xuất các chế độ bón phân hợp lý cho từng loại cây trồng và biện pháp cải thiện nâng cao độ phì nhiêu đất.
- e. Thiết lập được quy trình công nghệ sản xuất phân bón.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- a. Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các lĩnh vực về nông nghiệp. Có năng lực tham gia nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và xây dựng các dự án sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững.
- b. Kỹ năng phân biện và sử dụng các giải pháp thay thế phù hợp với tình hình thực tiễn sản xuất của cơ quan công tác.
- c. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ hoặc hoạt động chuyên môn.
- d. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhằm tự nâng cao trình độ và thích nghi với sự phát triển của xã hội.
- e. Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh, đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh, sử dụng tốt các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Powerpoint, khai thác và sử dụng Internet.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- a. Hình thành ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, tôn trọng và chấp hành sự phân công, điều động trong công việc của người quản lý, biết xem xét, tôn trọng và chấp nhận các quan điểm khác biệt.
- b. Có thái độ cầu tiến và vượt khó, có phương pháp tiếp cận và phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp, thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi.
- c. Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo để phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn ngành nông nghiệp, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, lập luận.
- d. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ đã xác định.
- e. Thực hành việc học suốt đời, chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân, luôn cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử và xử lý phù hợp và hiệu quả.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																									Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)							
			Kiến thức (3.1)															Kỹ năng (3.2)																	
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)					Kỹ năng cứng (3.2.1)					Kỹ năng mềm (3.2.2)												
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e			
53	NN184	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - KHCT									X							X						X	X	X	X		X	X	X	X			
54	NN486	Hệ sinh thái đất ngập nước						X				X							X						X	X	X	X		X	X	X	X		
55	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật										X						X							X	X	X	X		X	X	X	X		
56	NN178	Côn trùng đại cương										X						X							X	X	X	X		X	X	X	X		
57	NN377	Hệ thống canh tác										X														X	X	X	X		X	X	X	X	
58	NN371	Cây rau										X														X	X	X	X		X	X	X	X	
59	NN369	Cây lúa										X														X	X	X	X		X	X	X	X	
60	NN370	Cây màu										X														X	X	X	X		X	X	X	X	
61	NN361	Cây ăn trái										X														X	X	X	X		X	X	X	X	
62	NN362	Cây công nghiệp dài ngày										X														X	X	X	X		X	X	X	X	
Khối kiến thức chuyên ngành																																			
63	NN542	Phi nhiêu đất											X				X	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X	X			
64	NN384	Ô nhiễm đất đai												X			X	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X	X			
65	NS299	Suy thoái đất và biện pháp cải thiện												X			X	X	X					X	X	X	X		X	X	X	X			
66	NS211	Phân bón và khuyến cáo bón phân												X			X	X	X	X				X	X	X	X		X	X	X	X			
67	NS249	Đánh giá chất lượng đất												X	X			X	X					X	X	X	X		X	X	X	X			
68	NN491	Quan hệ đất-nước-cây trồng												X	X			X		X				X	X	X	X		X	X	X	X			
69	NN292	Thực tập thực tế - Quản lý đất và công nghệ phân bón										X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
70	NS262	Mô hình hóa trong sử dụng đất và phân bón														X	X	X	X	X				X	X	X	X		X	X	X	X			
71	NN539	Biến đổi khí hậu và quản lý đất											X	X	X			X	X					X	X	X	X		X	X	X	X			
72	NN161	Anh văn chuyên ngành - Quản lý đất và công nghệ phân bón													X		X	X								X		X	X	X	X				
73	NN510	Thực tập rèn nghề - Quản lý đất và công nghệ phân bón										X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
74	NN111	Phương pháp nghiên cứu khoa học – cây trồng														X	X		X					X	X	X	X		X	X	X	X			
75	NS399	Ứng dụng vi sinh trong xử lý ô nhiễm hữu cơ										X	X	X			X	X	X					X	X	X	X		X	X	X	X			
76	NS257	Khảo nghiệm và kiểm định phân bón										X		X	X	X		X		X			X	X	X	X		X	X	X	X				
77	NS243	Công nghệ sản xuất phân bón vô cơ										X		X	X	X		X		X			X	X	X	X		X	X	X	X				
78	NN531	Phân hữu cơ vi sinh										X		X	X	X		X		X			X	X	X	X		X	X	X	X				
79	NN326	Khuyến nông													X		X	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X	X			
80	NN286	Nông nghiệp sạch và bền vững													X		X	X						X	X	X	X		X	X	X	X			
81	NN546	Đất Việt Nam										X		X			X	X						X	X	X	X		X	X	X	X			
82	NS272	Quy định trong sản xuất và kinh doanh phân bón										X			X	X	X		X				X	X	X	X		X	X	X	X				
83	KT360	Quản trị sản xuất																X	X					X	X	X	X		X	X	X	X			
84	NN288	Viên thám đại cương													X			X	X					X	X	X	X		X	X	X	X			

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																									Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)					
			Kiến thức (3.1)															Kỹ năng (3.2)															
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)					Kỹ năng cứng (3.2.1)					Kỹ năng mềm (3.2.2)										
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	
85	KT007	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn													X			X	X				X	X	X	X		X	X	X	X	X	
86	CN004	Khí tượng thủy văn													X			X	X				X	X	X	X		X	X	X	X	X	
87	NS508	Luận văn tốt nghiệp – Quản lý đất và công nghệ phân bón											X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	
88	NS432	Tiểu luận tốt nghiệp – Quản lý đất và công nghệ phân bón											X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	
89	NN507	Đánh giá và phân tích số liệu đất, phân và cây											X		X			X		X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	
90	MT340	Quản lý tài nguyên nước											X	X				X					X	X	X	X		X	X	X	X	X	
91	NN245	Hệ thống thông tin địa lý trong quản lý đất															X	X						X	X	X	X		X	X	X	X	X
92	NS294	Ứng dụng công nghệ cao trong quản lý đất và phân bón															X	X						X	X	X	X		X	X	X	X	X

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Khoa học Đất, chuyên ngành Quản lý Đất và Công nghệ Phân bón được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa : 150 tín chỉ
 Khối kiến thức giáo dục đại cương : 48 tín chỉ (Bắt buộc: 33 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
 Khối kiến thức cơ sở ngành : 40 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 8 tín chỉ)
 Khối kiến thức chuyên ngành : 62 tín chỉ (Bắt buộc: 36 tín chỉ; Tự chọn: 26 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HP song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức giáo dục đại cương										
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bổ trí theo nhóm ngành		
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bổ trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bổ trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bổ trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL007		I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45		FL008		I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2		45	60		TN033	I,II,III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
33	TN025	Sinh học đại cương A1	2	2		30				I,II,III
34	TN027	TT. Sinh học đại cương A1	1	1			30		TN025	I,II,III
35	TN021	Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	2	2		30				I,II,III
36	TN022	TT. Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	1	1			30		TN021	I,II,III

37	TN014	Cơ và nhiệt đại cương	2	2		30					I,II,III
38	TN015	TT. Cơ nhiệt đại cương	1	1			30			TN014	I,II,III
Cộng: 48 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 15 TC)											
Khối kiến thức cơ sở ngành											
39	NN123	Sinh hóa B	2	2		30					I,II
40	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30			NN123	I,II
41	NN129	Sinh lý thực vật B	2	2		30					I,II
42	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	1			30			NN129	I,II
43	NN276	Nguồn gốc và phân loại đất	2	2		20	20				I,II
44	NN540	Khảo sát lập bản đồ đất	2	2		15	30		NN276		I,II
45	NS381	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	2		20	20		TN025		I,II
46	NN541	Hoá lý đất	3	3		30	30				I,II
47	NS242	Công nghệ sản xuất phân bón cơ bản	2	2		20	20				I,II
48	CN340	Quản lý sản xuất công nghiệp	3	3		30	30				I,II
49	NN200	Sinh thái đất	2	2		20	20		NN381	NN541	I,II
50	NN376	Dinh dưỡng cây trồng	2	2		20	20				I,II
51	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2	2		20	20				I,II
52	NS105	Bệnh cây đại cương	3	3		30	30				I,II
53	NN184	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - KHCT	3	3		30	30				I,II
54	NN486	Hệ sinh thái đất ngập nước	2			20	20				I,II
55	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật	2			20	20				I,II
56	NN178	Côn trùng đại cương	3			30	30				I,II
57	NN377	Hệ thống canh tác	2			30					I,II
58	NN371	Cây rau	2			20	20				I,II
59	NN369	Cây lúa	2			20	20				I,II
60	NN370	Cây màu	2			20	20				I,II
61	NN361	Cây ăn trái	2			20	20				I,II
62	NN362	Cây công nghiệp dài ngày	2			20	20				I,II
Cộng: 40 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 8 TC)											
Khối kiến thức chuyên ngành											
63	NN542	Phì nhiều đất	3	3		30	30	NN541,NN200	NN376		I,II
64	NN384	Ô nhiễm đất đai	2	2		20	20	NN541,NN542			I,II
65	NS299	Suy thoái đất và biện pháp cải thiện	3	3		30	30				I,II
66	NS211	Phân bón và khuyến cáo bón phân	2	2		20	20	NN541,NN542	NN376		I,II
67	NS249	Đánh giá chất lượng đất	2	2		20	20	NN541,NN542			I,II
68	NN491	Quan hệ đất - nước - cây trồng	2	2		15	30	NN541,NN542			I,II
69	NN292	Thực tập thực tế - KHD	2	2			60				I,II
70	NS262	Mô hình hóa trong sử dụng đất và phân bón	2	2		15	30	NN541,NN542			I,II
71	NN539	Biến đổi khí hậu và sử dụng đất	2	2		20	20				I,II
72	NN161	Anh văn chuyên ngành khoa học đất	2	2		30					I,II
73	NN510	Thực tập rèn nghề - KHD	2	2			60				I,II
74	NN111	Phương pháp nghiên cứu khoa học - nông nghiệp	2	2		15	30				I,II
75	NS399	Ứng dụng vi sinh trong xử lý ô nhiễm hữu cơ	2	2		20	20	NN384,NN200			I,II
76	NS257	Khảo nghiệm và kiểm định phân bón	2	2		20	20	NN541,NN542	NS211		I,II
77	NS243	Công nghệ sản xuất phân bón vô cơ	3	3		30	30	TN021,TN014	NS211		I,II
78	NN531	Phân hữu cơ vi sinh	2	2		10	40	NS381,NN200			I,II
79	NN326	Khuyến nông	2			20	20				I,II
80	NN286	Nông nghiệp sạch và bền vững	2			20	20				I,II
81	NN546	Đất Việt Nam và đất thế giới	2			30					I,II
82	NS272	Quy định trong sản xuất và kinh doanh phân bón	2			30		NS242			I,II
83	KT360	Quản trị sản xuất	3			45					I,II
84	NN288	Viễn thám đại cương	2			20	20				I,II
85	KT007	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	2			30					I,II
86	CN004	Khí tượng thủy văn	2			20	20				I,II
87	NN508	Luận văn tốt nghiệp - Khoa học đất	14				420	≥ 120 TC			I,II
88	NS432	Tiểu luận tốt nghiệp - KHD	6				180	≥ 120 TC			I,II

89	NN507	Đánh giá và phân tích số liệu đất, phân và cây	2			20	20	NN541,NN542		I,II
90	MT340	Quản lý tài nguyên nước	2			30				I,II
91	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2			20	20	TN033,TN034		I,II
92	NS294	Ứng dụng công nghệ cao trong quản lý đất và bón phân	2			20	20		NN542	I,II
Cộng: 62TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn: 26 TC)										
Tổng cộng: 150 TC (Bắt buộc: 101 TC; Tự chọn: 49TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú	
Học kỳ 1										
1	ML014	Triết học Mac-Lênin	3	3		45				
2	TN033	Tin học căn bản	1	1		15				
3	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60	TN033		
4	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				
5	TN025	Sinh học đại cương A1	2	2		30				
6	TN027	TT. Sinh học đại cương A1	1	1			30	TN027		
7	TN021	Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	2	2		30		TN021		
8	TN022	TT. Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	1	1			30			
		Cộng	14	14	0					
Học kỳ 2										
1	TN014	Cơ và nhiệt đại cương	2	2		30				
2	TN015	TT. Cơ nhiệt đại cương	1	1			30	TN014		
3	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
4	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
5	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
6	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
7	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
8	XH023	Anh văn căn bản 1	4			60			SV tự chọn	
9	FL001	Pháp văn căn bản 1	4		4	60				
10	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1		30		SV chọn	
		Cộng	18	13	5					
Học kỳ 3										
1	NN123	Sinh hóa B	2	2		30				
2	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30	NN123		
3	NN129	Sinh lý thực vật B	2	2		30				
4	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	1			30			
5	NN276	Nguồn gốc và phân loại đất	2	2		20	20			
6	NS381	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	2		20	20	TN025		
7	NN376	Dinh dưỡng cây trồng	2	2		20	20			
8	NS105	Bệnh cây đại cương	3	3		30	30			
9	NN326	Khuyến nông	2		2	20	20			
10	TC100	GD thể chất 2	1		1		30			
		Cộng	18	15	3					
Học kỳ 4										
1	NN540	Khảo sát lập bản đồ đất	2	2		15	30	NN276		
2	NN541	Hoá lý đất	3	3		30	30			

3	NN200	Sinh thái đất	2	2		20	20	NN381	
4	NS242	Công nghệ sản xuất phân bón cơ bản	2	2		20	20		
5	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2	2		20	20		
6	NN371	Cây rau	2		6	20	20		SV tự chọn
7	NN369	Cây lúa	2			20	20		
8	NN361	Cây ăn trái	2			20	20		
9	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật	2			20	20		
10	NN178	Côn trùng đại cương	3			30	30		
11	NN370	Cây màu	2			20	20		
12	NN362	Cây công nghiệp dài ngày	2		20	20			
		Cộng	17	11	6				
Học kỳ 5									
1	NN542	Phì nhiều đất	3	3		30	30	NN541,NN200	
2	NN539	Biến đổi khí hậu và sử dụng đất	2	2		20	20		
3	CN340	Quản lý sản xuất công nghiệp	3	3		30	30		
4	NS272	Quy định trong sản xuất và kinh doanh phân bón	2		8	30		NS242	SV tự chọn
5	NN286	Nông nghiệp sạch và bền vững	2			20	20		
6	CN004	Khí tượng thủy văn	2			30			
7	NN288	Viễn thám đại cương	2			20	20		
8	NN546	Đất Việt Nam và đất thế giới	2			30			
9	NN486	Hệ sinh thái đất ngập nước	2		2	20	20		SV tự chọn
10	NN377	Hệ thống canh tác	2			30			
		Cộng	18	8	10				
Học kỳ 6									
1	NN384	Ô nhiễm đất đai	2	2		20	20	NN541,NN542	
2	NS211	Phân bón và khuyến cáo bón phân	2	2		20	20	NN541,NN542	
3	NS249	Đánh giá chất lượng đất	2	2		20	20	NN541,NN542	
4	NN491	Quan hệ đất - nước - cây trồng	2	2		15	30	NN541,NN542	
5	NS299	Suy thoái đất và biện pháp cải thiện	3	3		30	30		
6	NS243	Công nghệ sản xuất phân bón vô cơ	3	3		30	30	TN021,TN014	
7	XH024	Anh văn căn bản 2	3		3	45		XH023	SV tự chọn
8	FL002	Pháp văn căn bản 2	3			45		FL001	
9	NN292	Thực tập thực tế - KHD	2	2		60			HK Hè
		Cộng	19	16	3				
Học kỳ 7									
1	KT007	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	2		2	30			SV tự chọn
2	KT360	Quản trị sản xuất	3			45			
3	NS257	Khảo nghiệm và kiểm định phân bón	2	2		20	20	NN541,NN542	
4	NS262	Mô hình hóa trong sử dụng đất và phân bón	2	2		15	30	NN541,NN542	
5	NS399	Ứng dụng vi sinh trong xử lý ô nhiễm hữu cơ	2	2		20	20	NN384,NN200	
6	NN531	Phân hữu cơ vi sinh	2	2		10	40	NS381,NN200	
7	ML018	CNXH khoa học	2			30		ML016	
8	NN161	Anh văn chuyên ngành	2	2		30			
9	NN184	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - KHCT	3	3		30	30		
		Cộng	17	15	2				

Học kỳ 8									
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	2		30		ML018	
2	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
3	XH025	Anh văn căn bản 3	3					XH024	SV tự chọn
4	FL003	Pháp văn căn bản 3	3					FL002	
5	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	
6	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	
7	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	
8	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003	
9	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007	
10	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008	
11	TC100	GD thể chất 3	1		1		30		SV tự chọn
12	NN437	Thực tập rèn nghề - KHD	3	3			90		
13	ML007	Logic học đại cương	2			30			SV tự chọn
14	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
15	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
16	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
17	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
18	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
19	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
20	NN111	Phương pháp nghiên cứu khoa học - nông nghiệp	2	2		15	30		
		Cộng	15	9	6				
Học kỳ 9									
1	NS508	Luận văn tốt nghiệp - Khoa học đất	14				420	≥ 120 TC	SV tự chọn làm LVTN hoặc TLTN và HP thay thế
2	NS432	Tiểu luận tốt nghiệp - KHD	6				180	≥ 120 TC	
3	NN507	Đánh giá và phân tích số liệu đất, phân và cây	2			20	20	NN541, NN542	
4	MT340	Quản lý tài nguyên nước	2			30			
5	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2			20	20	TN033, TN034	
6	NS294	Ứng dụng công nghệ cao trong quản lý đất và bón phân	2			20	20		
		Cộng	14		14				
		Tổng cộng	150	101	49				

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt nam.	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương ứng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Pháp văn căn bản 1 sẽ giúp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp. Chương trình này cho phép sinh viên học cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại. Bên cạnh đó, sinh viên còn được học cách chào hỏi, hỏi và nói về giờ, giới thiệu bản thân, gia đình và nói về sở thích. Ngoài ra, sinh viên còn có thể vận dụng kiến thức đã học về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm để viết một số câu đơn giản. Đồng thời, chương trình giảng dạy này cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 2 sẽ trang bị cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng của tiếng Pháp. Nội dung giảng dạy của chương trình này hướng đến mục tiêu là các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận hay từ chối lời mời và nói về ngày làm việc thông thường... Nội dung giảng dạy này sẽ cho phép sinh viên làm quen với cách đặt câu hỏi với các đại từ của tiếng Pháp và cách chia động từ nhóm I, nhóm II, một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường và định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, chương trình giảng dạy này cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Nam).	
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, kể lại một câu chuyện quá khứ và nói về những dự định trong tương lai. Trong chương trình này, sinh viên sẽ được làm quen với các bài đọc, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ và viết thư. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ và tương lai. Ngoài ra, chương trình môn Pháp văn căn bản 3 cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Chương trình Pháp văn tăng cường 1 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng liên quan đến đời sống hằng ngày về giới thiệu gia đình, miêu tả người, nhà ở, diễn đạt sở thích và diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân. Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 200 từ, viết đoạn văn ngắn khoảng 80-100 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn để thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 2 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về sức khỏe, công việc và thời gian rảnh... Trong chương trình này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 250 từ, viết đoạn văn khoảng 100-140 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn để thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về phương tiện truyền thông, giao tiếp trên mạng xã hội, du lịch khám phá và về những kỉ niệm... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 300 từ, viết đoạn văn khoảng 140-180 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn để thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng	Khoa Khoa học Tự nhiên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa luật
26	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.	Khoa Khoa học Chính trị
27	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung Chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4 rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
31	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
33	TN025	Sinh học đại cương A1	2	Học phần cung cấp các kiến thức đại cương về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của tế bào, các cơ chế di truyền học.	Khoa Khoa học Tự nhiên
34	TN027	TT. Sinh học đại cương A1	1	Học phần cung cấp các kiến thức đại cương về nguyên tắc cấu tạo và cách sử dụng kính hiển vi và kính nhìn nổi. Sinh viên chọn cách thực hiện tiêu bản hiển vi về cấu trúc chức năng và hoạt động sống của tế bào, nhiễm sắc thể và hoạt động của nhiễm sắc thể trong quá trình phân bào nguyên nhiễm và phân bào giảm nhiễm và đại cương về phản ứng sinh hóa trong cơ thể động vật.	Khoa Khoa học Tự nhiên
35	TN021	Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	2	Học phần hóa vô cơ và hữu cơ đại cương: Phần vô cơ giúp sinh viên hiểu được các quy luật cơ bản của hóa học vô cơ, các tính chất vật lý, tính chất hóa học, điều chế và ứng dụng của các kim loại và phi kim, khí hiếm, các khái niệm cơ bản về hóa học phức chất và ứng dụng. Hóa hữu cơ giúp sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản của hóa hữu cơ, lí tính, hóa tính của các hợp chất hữu cơ (hydrocarbon, alcol, phenol, carbonyl, acid carboxylic, ...).	Khoa Khoa học Tự nhiên
36	TN022	TT. Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	1	Củng cố, minh họa các kiến thức Hóa đại cương đã được học ở phần lý thuyết thông qua các bài thí nghiệm. Thêm vào đó, nội dung của học phần còn giúp cho sinh viên nắm vững các thao tác cơ bản trong thí nghiệm Hóa học, cách sử dụng dụng cụ thí nghiệm và an toàn trong thí nghiệm.	Khoa Khoa học Tự nhiên
37	TN014	Cơ và nhiệt đại cương	2	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ và nhiệt đại cương ở trình độ đại học. Trong đó tập trung các khái niệm, các định luật, nguyên lý mới. Từ đó, vận dụng kiến thức tiếp thu được để nghiên cứu và giải thích các vấn đề liên quan đến chuyển động của các vật thể từ vi mô đến vĩ mô, làm cơ sở cho công việc học tập chuyên ngành về sau.	Khoa Khoa học Tự nhiên
38	TN015	TT. Cơ nhiệt đại cương	1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ và nhiệt cơ bản ở trình độ đại học. Trong đó tập trung các khái niệm, các định luật, nguyên lý mới. Từ đó, vận dụng kiến thức tiếp thu được để nghiên cứu và giải thích các vấn đề liên quan đến chuyển động của các vật thể từ vi mô đến vĩ mô, làm cơ sở cho công việc học tập chuyên ngành về sau.	Khoa Khoa học Tự nhiên
39	NN123	Sinh hóa B	2	Nội dung môn học bám sát theo chương trình giảng dạy Sinh học tại các trường phổ thông trung học với mức độ sâu hơn nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất lý hóa học các hợp chất liên quan đến cơ thể sống như protein, carbohydrate, lipid, hormon, vitamin và chất xúc tác sinh học. Trang bị những kiến thức về các quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng trong cơ thể sống của các nhóm chất chính carbohydrate, lipid và protein thông qua một số các quá trình chuyển hóa cơ bản như quá trình đường phân, chu trình Krebs, chu trình pentose phosphate, sự oxy hóa acid béo, các phản ứng chuyển hóa acid amin, chu trình urea và một số quá trình sinh tổng hợp cơ bản các chất trong cơ thể sống nhằm thấy được mối liên hệ giữa cơ thể sống với môi trường bên ngoài, hiểu rõ hơn về bản chất của sự sống.	Khoa Nông nghiệp
40	NN124	TT. Sinh hóa	1	Củng cố lại các kiến thức sinh hóa đã học ở phần lý thuyết. Giúp cho sinh viên nắm vững các phương pháp phân tích sinh hóa cơ bản phục vụ cho việc phân tích thành phần hoá học các chất dinh dưỡng trong cơ thể sống như định tính và định lượng carbohydrate, các chỉ số cơ bản trong lipid, định tính và định lượng acid amin, protein và một số vitamin, thí nghiệm chiết tách hợp chất phospholipid, enzyme và nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng xúc tác enzyme nhằm trang bị những kiến thức nền tảng phục vụ cho việc nghiên cứu nâng cao về kỹ thuật sinh học.	Khoa Nông nghiệp
41	NN129	Sinh lý thực vật B	2	Môn học gồm có 6 chương, bao gồm: Chương 1. Sinh lý tế bào thực vật; Chương 2. Nước và thực vật; Chương 3. Dinh dưỡng khoáng; Chương 4. Quang hợp; Chương 5. Hô hấp; và Chương 6.	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Sinh trưởng và phát triển của thực vật.	
42	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	Giúp sinh viên củng cố lại các kiến thức về sinh lý thực vật đã học ở phần lý thuyết. Nắm vững các phương pháp phân tích và nghiên cứu về sinh lý thực vật cơ bản như tìm hiểu cấu trúc và tính chất sống của tế bào thực vật; sự trao đổi nước của thực vật, nhận biết biểu hiện của sự thiếu hụt một số khoáng chất; định tính và định lượng các sắc tố trên lá, nghiên cứu ảnh hưởng của ánh sáng đến quang hợp; so sánh cường độ hô hấp của các loại thực vật khác nhau, đánh giá sức sống hạt thông qua hô hấp; nghiên cứu vai trò của một số chất điều hòa sinh trưởng lên sinh trưởng của thực vật.	Khoa Nông nghiệp
43	NN276	Nguồn gốc và phân loại đất	2	Nội dung môn học gồm 2 phần chính: - Phần 1 : Học phần được biên soạn với các nội dung giới thiệu về nguồn gốc, các tiến trình hình thành đất có liên quan đến việc phân loại đất. Đất trong tự nhiên được hình thành từ tác động của 5 yếu tố: khí hậu, địa hình, mẫu chất, sinh vật và thời gian. Sự tác động của các yếu tố hình thành đất tạo nên các quá trình hình thành và biến đổi diễn ra trong đất. Sản phẩm của quá trình hình thành và biến đổi tạo thành các loại đất khác nhau. Các loại đất khác nhau có quá trình hình thành và tính chất khác nhau. - Phần 2 : Giới thiệu về các hệ thống phân loại đất trên thế giới và các phương pháp, tiêu chuẩn được sử dụng trong phân loại đất, với việc nhận dạng, mô tả và giải thích các phẫu diện đất và cách thể hiện của đất trên bề mặt của trái đất.	Khoa Nông nghiệp
44	NN540	Khảo sát lập bản đồ đất	2	Chương 1 và chương 2 : Được biên soạn với các nội dung liên quan đến bản đồ đất như tỉ lệ bản đồ, mục đích xây dựng bản đồ đất cũng như trong đó tập trung chủ yếu trung vào phương pháp xây dựng bản đồ đất. Chương 3 giới thiệu về quá trình thành lập bản đồ đất. Bản đồ đất được xây dựng dựa trên bản đồ địa hình. Bản đồ đất tỉ lệ càng lớn thì độ chính xác càng cao. Trên bản đồ địa hình xác định mạng lưới phẫu diện cần nghiên cứu gồm có phẫu diện chính, phẫu diện phụ và phẫu diện thăm dò. Chương 4: Kết quả nghiên cứu phẫu diện và phân loại đất là cơ sở để biên vẽ lại bản đồ đất. Toàn bộ kết quả phân loại và xây dựng bản đồ đất thể hiện ở thuyết minh đất kèm theo bản đồ. Sản phẩm đầy đủ của điều tra, nghiên cứu phân loại và xây dựng bản đồ đất là bản đồ đất và thuyết minh kèm theo.	Khoa Nông nghiệp
45	NS381	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	- Đối tượng, lược sử ngành vi sinh vật học và phân loại tổng quát vi sinh vật - Phương tiện, trang bị và thủ thuật dùng trong vi sinh học - Sự dinh dưỡng, tăng trưởng của vi sinh vật và ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh lên sự sinh trưởng, phát triển của vi sinh vật - Đặc điểm chính của nhóm vi sinh vật: nhân nguyên (vi khuẩn và các vi sinh vật nhân nguyên khác); vi sinh vật nhân thực (nấm, tảo, prôtôzoa); virút và một số hiện tượng có liên quan trong tương tác giữa virút và ký chủ - Di truyền và biến dị ở vi sinh vật - Ứng dụng của vi sinh vật học trong đời sống và sản xuất nông nghiệp	Khoa Nông nghiệp
46	NN541	Hoá lý đất	3	Phần lý thuyết của học phần gồm: các định nghĩa, thành phần, tính chất của độ phì nhiêu đất, các nguyên tố cần thiết cho dinh dưỡng cây trồng, các tiến trình hấp thu dưỡng chất và biến dưỡng. Động thái các dưỡng chất khoáng đa, trung, vi lượng trong đất và các tiến trình hóa lý có liên quan đến độ hữu dụng. Phân hữu cơ, sử dụng, các kỹ thuật và phương pháp ủ phân hữu cơ. Các tiến trình làm tăng, giảm độ phì nhiêu đất và phương pháp đánh giá. Sản xuất, khuyến cáo phân bón và vấn đề môi trường. Phần thực hành gồm	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				các bài thực tập nhà lưới về trồng cây, thu mẫu, xử lý mẫu đất và cây, các bài thực tập phân tích trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu phi nhiều đất cơ bản như nhận diện phân bón, xác định hàm lượng đạm ammonium trong đất, phương pháp vô cơ hóa mẫu, xác định lân hữu dụng trong đất hay lân tổng số trong cây, xác định hàm lượng kali tổng số trong cây, đánh giá số liệu phân tích trong đất và cây trồng.	
47	NS242	Công nghệ sản xuất phân bón cơ bản	2	Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn nguyên liệu và công nghệ sản xuất một số loại phân bón cơ bản được sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao như phân bón vô cơ, phân bón hữu cơ và các loại phân khác. Các loại phân bón vô cơ gồm đạm, lân, kali, phân bón vi lượng cũng như một số phân hỗn hợp, phức hợp. Các loại phân bón hữu cơ như phân bón sinh học, phân bón vi sinh, phân bón từ sinh vật sống. Đồng thời, sinh viên cũng được cung cấp các phương pháp tính toán các loại phân bón hỗn hợp ngoài thực tế.	Khoa Nông nghiệp
48	CN340	Quản lý sản xuất công nghiệp	3	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những tình huống cụ thể phải giải quyết trong quá trình sản xuất ở một đơn vị sản xuất – kinh doanh như xí nghiệp, nhà máy, các dịch vụ cung ứng, phân phối sản phẩm... Công việc cụ thể như dự báo nhu cầu, lập kế hoạch và lịch trình sản xuất, tính toán lựa chọn địa điểm xây dựng nhà máy, quy hoạch tổng hợp, quản trị tồn kho và hoạch định nguồn nhân lực để sản xuất đúng thời điểm.	Khoa Công nghệ
49	NN200	Sinh thái đất	2	Sau khi học xong học phần này học viên sẽ biết được có những nhóm sinh vật nào hiện diện trong đất, hiểu rõ chức năng của các nhóm sinh vật đất (nhóm macro- và nhóm micro-organisms) tham gia vào các chu trình dinh dưỡng của đất, của cây trồng và vai trò quan trọng của sinh vật đất đến sức khỏe đất (soil health). Học phần này giúp sinh viên phân biệt được các nhóm sinh vật đất quan trọng trong hệ sinh thái đất, định hướng việc sử dụng vi sinh vật có ích phục vụ cho ngành nông nghiệp trong tương lai theo hướng canh tác nông nghiệp sạch và bền vững.	Khoa Nông nghiệp
50	NN376	Dinh dưỡng cây trồng	2	Các kiến thức, các nguyên tắc cơ bản về dinh dưỡng khoáng cây trồng bao gồm sự cung cấp, quá trình hấp thu, vận chuyển và biến dưỡng, và vai trò chức năng của dưỡng chất khoáng trong cây, đặc biệt là cây trồng trong nông nghiệp. Nội dung gồm 10 chương lý thuyết: 1. Cây trồng và dinh dưỡng. 2. Định nghĩa và phân loại dưỡng chất khoáng. 3. Cơ chế hấp thụ ion của tế bào rễ và sự chuyển vận gân. 4. Sự vận chuyển xa ở mạch gỗ và mạch libe. 5. Sự hấp thu dinh dưỡng qua lá và các bộ phận của cây trong không khí. 6. Dưỡng chất khoáng đa lượng. 7. Dưỡng chất khoáng vi lượng. 8. Chẩn đoán triệu chứng thiếu và ngộ độc dưỡng chất khoáng. 9. Thực hành trồng và quan sát, thu thập thông tin, phân tích và đánh giá tình trạng dinh dưỡng của cây.	Khoa Nông nghiệp
51	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2	- Lý thuyết: Vai trò của môn học trong sản xuất nông nghiệp. Tác động của chất độc lên hệ sinh thái đồng ruộng. Cơ chế tác động của thuốc BVTV đối với dịch hại, các loại thuốc BVTV sử dụng tại Việt Nam, sử dụng thuốc BVTV an toàn và hiệu quả. Cách bố trí thí nghiệm và đánh giá hiệu quả của thuốc BVTV đối với dịch hại và thiên địch. Phân loại các nhóm thuốc BVTV. Tính kháng thuốc của sinh vật khi chịu áp lực của hóa chất nông nghiệp. Hệ quả của thuốc trừ dịch hại đến sinh vật và cách khắc phục. Sự phân giải của thuốc BVTV, hạn chế sự phát triển tính kháng thuốc. - Thực hành: Nhận dạng các loại thuốc thương phẩm trên thị trường, phương pháp điều chế hỗn hợp Bordeaux, đánh giá hiệu quả của thuốc trừ sâu, đánh giá hiệu quả của thuốc trừ bệnh, đánh giá hiệu quả của thuốc trừ cỏ, cách hỗn hợp các loại thuốc BVTV chung với nhau.	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
52	NS105	Bệnh cây đại cương	3	<p>Phần lý thuyết gồm 8 chương bao gồm giới thiệu lịch sử ngành bệnh cây, giới thiệu các nhóm tác nhân gây bệnh trên cây trồng, ảnh hưởng của bệnh lên chức năng sinh lý của cây trồng, cơ chế mầm bệnh tấn công cây trồng, cơ chế cây trồng kháng lại mầm bệnh, các yếu tố ảnh hưởng lên sự phát triển bệnh và dịch bệnh cây trồng, các biện pháp trong phòng trị bệnh (canh tác, sinh học và hóa học v.v) và phương pháp chuẩn đoán tác nhân gây bệnh trên cây trồng.</p> <p>Phần thực hành gồm 6 buổi với 30 giờ thực tập giới thiệu về chức năng và cách sử dụng các trang thiết bị cơ bản trong nghiên cứu lĩnh vực bệnh cây, phương pháp nghiên cứu và đánh giá bệnh hại; hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật khi thu mẫu bệnh, làm tiêu bản mẫu bệnh, phương pháp chuẩn đoán tác nhân gây bệnh thông qua nhận diện triệu chứng cũng như vi phẫu hình thái của các tác nhân gây bệnh dưới kính hiển vi, đồng thời mỗi sinh viên sẽ thực hiện thu thập 10 mẫu bệnh và xác định tác nhân gây bệnh.</p>	Khoa Nông nghiệp
53	NN184	Xác suất thống kê và phép thử nghiệm - KHCT	3	<p>Môn học giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất – thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm. Sinh viên sẽ có kỹ năng giải quyết các bài toán xác suất – thống kê cơ bản, vận dụng kiến thức và trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp. Môn học không những giúp sinh viên hệ thống hóa những khái niệm quan trọng liên quan thực tế nghiên cứu mà còn mở rộng sự hiểu biết về mối quan hệ giữa thử nghiệm và suy luận thống kê. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ nắm vững các nhóm/loại hình nghiên cứu và triển khai thí nghiệm trong điều kiện cụ thể một cách độc lập. Sinh viên vận dụng thống kê trong xử lý và trình bày kết quả phân tích dữ liệu một cách hợp lý, khoa học, có tính chính xác và thuyết phục cao. Sau khi học lý thuyết, các bài thực hành sẽ được thực hiện trên máy tính bằng phần mềm Excel và SPSS.</p>	Khoa Nông nghiệp
54	NN486	Hệ sinh thái đất ngập nước	2	<p>Học phần “Hệ sinh thái đất ngập nước” được xây dựng làm 2 phần: phần 1 sinh viên sẽ được tiếp cận với 5 chương lý thuyết cơ bản; phần 2 sinh viên được hướng dẫn đi thực tập thực tế. Phần lý thuyết sinh viên được học về các hệ sinh thái đất ngập nước quan trọng ở ĐBSCL, chức năng và các tiến trình sinh - địa - hóa quan trọng của đất ngập nước và một số biện pháp quản lý đất ngập nước. Trong phần lý thuyết, sinh viên sẽ được chia nhóm thảo luận về chức năng và các tiến trình xảy trong các hệ sinh thái đất ngập nước được phân công cụ thể cho mỗi nhóm. Phần thực tập thực tế sinh viên sẽ được hướng dẫn tham quan một số hệ sinh thái đất ngập nước điển hình ở ĐBSCL, nhận diện phẫu diện đất điển hình và thảo luận về chức năng của các hệ sinh thái.</p>	Khoa Nông nghiệp
55	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật	2	<p>- Lý thuyết: Các khái niệm cơ bản vận dụng trong IPM, sinh thái học và ứng dụng trong quản lý tổng hợp dịch hại, các nguyên lý, nội dung chính và các thành phần cơ bản của IPM, các biện pháp phòng trừ dịch hại và vận dụng theo quan điểm IPM. Một số mô hình IPM và kiến thức cần thiết để xây dựng mô hình IPM. Điều kiện áp dụng thành công và các phương pháp chuyển giao IPM trong cộng đồng .</p> <p>- Thực hành: Nhận dạng các đối tượng gây hại chính trên một số loại cây trồng canh tác phổ biến và biện pháp phòng trừ chúng trong IPM. Qua khảo sát thực tế trên đồng ruộng, điều tra nông dân, phân tích hệ sinh thái và xây dựng mô hình IPM .</p>	Khoa Nông nghiệp
56	NN178	Côn trùng đại cương	3	<p>Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về các động vật thuộc nhóm côn trùng (có hại trên cây trồng và có lợi cho con người) về các đặc điểm hình thái, sinh lý học, sinh vật học, sinh thái, phân loại, cách gây hại và một số biện pháp cơ bản trong quản lý côn trùng gây hại cây trồng. Qua đó, trang bị những kiến thức cần thiết để nghiên cứu các biện pháp, chiến lược quản lý côn trùng gây</p>	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				hại trên cây trồng, đồng thời biết phát huy vai trò của nhóm có lợi và xây dựng chiến lược quản lý các nhóm có hại, phục vụ cho sự phát triển một nền nông nghiệp bền vững và có hiệu quả kinh tế trong điều kiện cụ thể của vùng ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.	
57	NN377	Hệ thống canh tác	2	Nội dung của học phần bao gồm các nội dung liên quan đến lĩnh vực cây trồng, chăn nuôi và thủy sản, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của một vùng. Nội dung học phần gồm 6 chương - Chương 1: Khái niệm về hệ thống canh tác. - Chương 2: Yêu cầu của hệ thống canh tác. - Chương 3: Khảo sát đặc điểm vùng nghiên cứu. - Chương 4: Đánh giá thích nghi, trở ngại và đề xuất giải pháp. - Chương 5: Giải pháp kỹ thuật của hệ thống canh tác. - Chương 6: Đưa ra sản xuất.	Khoa Nông nghiệp
58	NN371	Cây rau	2	Phần đại cương: Trang bị cho SV những kiến thức tổng quát về cây rau, quy luật sinh trưởng phát triển ra hoa kết trái và các yếu tố ảnh hưởng, các khâu kỹ thuật trong canh tác cây rau, mối quan hệ giữa cây rau với môi trường, các biện pháp kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch và để giống. Phần chuyên khoa: Cung cấp kiến thức chuyên sâu về các biện pháp canh tác một số loại rau chủ lực ở ĐBSCL; mỗi nhóm rau ăn lá, trái, củ đều có những nét đặc thù riêng, đều tuân theo qui luật sinh vật học của cây ngăn ngày, chúng cung cấp sản phẩm dùng ăn tươi và nấu chín. Sinh viên biết tạo điều kiện tối ưu để các nhóm rau đều đạt được năng và chất lượng cao nhất, lưu ý các yếu tố giới hạn của sản xuất rau trong mùa trái vụ và đề xuất giải pháp khắc phục.	Khoa Nông nghiệp
59	NN369	Cây lúa	2	Bốn nội dung chính của học phần bao gồm: Triển vọng phát triển của ngành sản xuất lúa gạo; các yêu cầu về điều kiện sinh thái; đặc điểm thực vật, sinh trưởng và phát triển và kỹ thuật canh tác lúa. Các nội dung học tập được thực hiện qua học lý thuyết, thực hành, thực tập, bài tập có liên quan đến từng chương và mục.	Khoa Nông nghiệp
60	NN370	Cây màu	2	Những kiến thức cơ bản về kỹ thuật canh tác cây màu để đạt năng suất và lợi nhuận cao trong điều kiện sinh thái ở ĐBSCL. Nội dung gồm năm bài lý thuyết: 1. Tình hình sản xuất cây màu (phát triển kinh tế và tiêu thụ trong nước và ngoài nước; phân loại, nguồn gốc, vùng phân bố; công dụng, giá trị dinh dưỡng và kinh tế). 2. Đặc điểm sinh học cây màu (đặc điểm hình thái; các giai đoạn sinh trưởng, phát triển). 3. Đặc điểm sinh thái cây màu (Khí hậu, đất, nước; Nhu cầu dinh dưỡng các giai đoạn sinh trưởng và phát triển). 4. Kỹ thuật canh tác (Giống, qui trình trồng, chăm sóc, thu hoạch). 5. Nhận định sinh trưởng và sức khỏe. Một số sâu, bệnh gây hại chính, 6. Thực hành trồng và quan sát thu thập thông tin, phân tích và đánh giá.	Khoa Nông nghiệp
61	NN361	Cây ăn trái	2	Sự phát triển ngành cây ăn trái ở Đồng bằng sông Cửu Long và định hướng chiến lược phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác. Cơ sở lý luận về kỹ thuật thiết kế vườn, các phương pháp nhân giống cây ăn trái. Đặc tính thực vật và sinh học, yêu cầu ngoại cảnh và liên quan đến kỹ thuật canh tác cây ăn trái ở Đồng bằng sông Cửu Long.	Khoa Nông nghiệp
62	NN362	Cây công nghiệp dài ngày	2	Nội dung của học phần bao gồm các nội dung về tình hình sản xuất, tiêu thụ, nguồn gốc, phân loại giống, kỹ thuật thiết kế vườn, chăm sóc, sâu bệnh gây hại, kỹ thuật thu hoạch và Sơ chế một số loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế ở Đồng bằng Sông Cửu Long như dừa, ca cao, tiêu và điều; kỹ thuật kích thích cho buồng	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				hoa dứa nước tiết nhựa và sản xuất tinh bột từ cây dứa bột.	
63	NN542	Phì nhiều đất	3	Phần lý thuyết của học phần gồm: các định nghĩa, thành phần, tính chất của độ phì nhiêu đất, các nguyên tố cần thiết cho dinh dưỡng cây trồng, các tiến trình hấp thu dưỡng chất và biến dưỡng. Động thái các dưỡng chất khoáng đa, trung, vi lượng trong đất và các tiến trình hóa lý có liên quan đến độ hữu dụng. Phân hữu cơ, sử dụng, các kỹ thuật và phương pháp ủ phân hữu cơ. Các tiến trình làm tăng, giảm độ phì nhiêu đất và phương pháp đánh giá. Sản xuất, khuyến cáo phân bón và vấn đề môi trường. Phần thực hành gồm các bài thực tập nhà lưới về trồng cây, thu mẫu, xử lý mẫu đất và cây, các bài thực tập phân tích trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu phì nhiêu đất cơ bản như nhận diện phân bón, xác định hàm lượng đạm ammonium trong đất, phương pháp vô cơ hóa mẫu, xác định lân hữu dụng trong đất hay lân tổng số trong cây, xác định hàm lượng kali tổng số trong cây, đánh giá số liệu phân tích trong đất và cây trồng.	Khoa Nông nghiệp
64	NN384	Ô nhiễm đất đai	2	<i>Chương 1:</i> Các khái niệm về chất ô nhiễm, giới thiệu những tính chất chung nhất về ô nhiễm như phân loại, ngưỡng sinh thái và khả năng đồng hóa của môi trường; <i>Chương 2 và 3:</i> Ảnh hưởng của sử dụng phân bón và nông dược trên ô nhiễm đất, giúp cho sinh viên hiểu rõ nguồn gốc, đặc tính và hậu quả của các tiến trình xảy ra sau khi bón phân hoặc xử lý nông dược vào đất. Các biện pháp hạn chế dư lượng phân bón và nông dược cũng như các qui định trong sử dụng và sản xuất nông dược được chú trọng; <i>Chương 4:</i> Độc chất phóng xạ và môi trường đất: Hành động xả thải tác động xấu đến sức khỏe mà còn đe dọa môi trường sống của con người trên trái đất. Nhiệm vụ khoa học bao gồm theo dõi các tác nhân gây nhiễm đến tận nguồn gây nhiễm cũng như quá trình lan toả của các tác nhân này. <i>Chương 5 & 6:</i> Độc chất hoá học và môi trường đất; Một số độc chất kim loại nặng điển hình trong đất, các sự kiện về ô nhiễm qua chuỗi thực phẩm được đề cập trong bài.	Khoa Nông nghiệp
65	NS299	Suy thoái đất và biện pháp cải thiện	3	Môn học sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản và ứng dụng cho người học các thông tin về sự suy thoái tài nguyên đất dẫn đến bạc màu đất và giới thiệu một số biện pháp phục hồi, bảo tồn đất tài nguyên đất ở vùng nhiệt đới, Việt Nam và đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Ngoài ra môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về tính chất hoá lý, phì nhiêu đất và các vấn đề khó khăn của các nhóm đất bị suy thoái trong canh tác nông nghiệp.	Khoa Nông nghiệp
66	NS211	Phân bón và khuyến cáo bón phân	2	Nội dung học phần gồm các chương: Tổng quan và cơ sở lý luận của biện pháp bón phân và quản lý chất dinh dưỡng tổng hợp, điều chế và sử dụng các loại phân bón đa lượng, vi lượng, các loại phân hỗn hợp, phức hợp, các loại phân hữu cơ, các nguyên tắc về phương pháp bón phân và khuyến cáo phân bón cho cây trồng, và phương pháp bón phân cho một số loại cây trồng chính.	Khoa Nông nghiệp
67	NS249	Đánh giá chất lượng đất	2	<i>Chương 1 và 2:</i> giới thiệu những tính chất chung nhất về nghiên cứu chất lượng đất hướng đến các mục tiêu: (i) Nhận diện và định lượng những thay đổi về đặc tính lý-hóa học đất (ii) Tìm hiểu về ảnh hưởng của những thay đổi trong đất đến sinh trưởng và năng suất cây trồng (iii) Quản lý những thay đổi trong đất để cải thiện năng suất, lợi nhuận và giảm ảnh hưởng đến môi trường. Mục tiêu của Chương 3 và 4 là nghiên cứu các yếu tố liên quan bón dinh dưỡng ở một liều lượng và số lần bón tối hảo để đạt được năng suất cao và gia tăng hiệu quả sử dụng phân bón từ đó đưa đến lợi nhuận kinh tế cao trên lượng phân bón đã đầu tư, cũng điều chỉnh lượng phân bón sử dụng 1 cách tối ưu dựa trên cân đối giữa lượng dinh dưỡng cây trồng cần và khả năng cung cấp dinh dưỡng trong đất bản địa. <i>Chương 5 và 6</i> xác định công thức phân bón trên cây có múi theo nguyên lý SSNM: (1) xác định năng suất mục tiêu (2) ước lượng nhu cầu dinh dưỡng để đạt được năng suất mục tiêu (3) đánh	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				giá khả năng cung cấp dinh dưỡng trong đất bản địa (4) tính toán nhu cầu phân bón.	
68	NN491	Quan hệ đất - nước - cây trồng	2	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối quan hệ của các yếu tố lý hoá học đất, dinh dưỡng và nước trong đất đến sinh trưởng cây trồng. Các yêu cầu về đất đai của một số loại cây trồng chính.	Khoa Nông nghiệp
69	NN292	Thực tập thực tế - KHĐ	2	Thông tin trước chuyến đi khảo sát đất gồm tuyến đường, vùng sinh thái mục tiêu, các cơ sở sản xuất và kinh doanh phân bón,... sẽ được phổ biến đến sinh viên ngay đầu học kỳ để có bước chuẩn bị tham khảo tài liệu. Trong suốt chuyến đi, ở mỗi điểm khảo sát đất và tham quan nhà xưởng sản xuất, tiến hành các công việc như: khoan và mô tả phẫu diện đất, ghi nhận về địa mạo, địa chất, địa hình, cao độ, thông tin về sinh thái, đối tượng cây trồng chính, tình hình khí hậu, thời tiết, thủy văn, trao đổi phỏng vấn với các cán bộ kỹ, cán bộ quản lý,... ghi nhận thông tin về tình hình canh tác cây trồng tại mỗi điểm như lịch thời vụ, cơ cấu cây trồng, kiểu làm đất, tình hình sử dụng phân bón, năng suất, giá bán, nhu cầu thu mua, thị trường, chi phí đầu tư, lợi nhuận. Ghi nhận các điểm quan trọng trong quá trình sản xuất các sản phẩm phân bón hữu cơ và vô cơ. Ghi nhận và đánh giá tính thích nghi của các mô hình canh tác, các yếu tố hạn chế về hóa lý, phì nhiêu đất, những khó khăn, trở ngại thường gặp trong sản xuất nông nghiệp (thiên tai, thời tiết, chính sách, giống, giá cả, nhu cầu và xu hướng thị trường về các sản phẩm phân bón,...). Viết báo cáo, trình bày và thảo luận lại tất cả những thông tin ghi nhận trong quá trình đi thực tập một cách khoa học, logic.	Khoa Nông nghiệp
70	NS262	Mô hình hóa trong sử dụng đất và phân bón	2	Nội dung môn học gồm 5 chương mô tả các nguyên lý của mô hình toán, đọc giả sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về mô hình và sự mô phỏng. Khái niệm về “hệ thống” và những đặc tính chung nhất của nó là những vấn đề quan trọng cần trang bị cho đọc giả để có cái nhìn rõ bản chất một vấn đề hoặc sự kiện liên quan đến thiết kế mô hình. Sinh viên sẽ được dẫn dắt qua từng bước để đi đến việc hiểu rõ qui trình mô phỏng, thiết kế, đánh giá và ứng dụng mô hình: các phương pháp chuyển đổi từ vấn đề cần nghiên cứu sang các mối quan hệ nhân quả, vòng lặp và lưu đồ. Các trình tự kế tiếp cho thiết kế, sử dụng mô hình cũng sẽ được mô tả và minh họa qua các chương. Chương 5 “Bón phân cho cây trồng theo phương pháp quản lý dưỡng chất theo địa điểm chuyên biệt” xác định lượng phân bón tối hảo trên cơ sở cân bằng NPK được xác định từ mô hình được thiết kế.	Khoa Nông nghiệp
71	NN539	Biến đổi khí hậu và sử dụng đất	2	Trang bị kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu; tác động của con người và các yếu tố ảnh hưởng đến BĐKH. Sự tác động của BĐKH đến đời sống, đến môi trường. Các nguy cơ tổn thương do bão lũ, khô hạn, xâm nhập mặn, ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản ở Việt Nam, đặc biệt ở ĐBSCL, trên từng vùng thượng nguồn, vùng giữa và hạ lưu của đồng bằng. Các kiểu sử dụng đất trong canh tác nông nghiệp, thủy sản liên quan đến sự thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu.	Khoa Nông nghiệp
72	NN161	Anh văn chuyên ngành khoa học đất	2	Anh văn chuyên ngành là học phần hỗ trợ cho chuyên ngành quản lý đất và công nghệ phân bón. Nội dung của học phần này giúp cung cấp cho sinh viên biết và học được nhiều từ vựng và các thuật ngữ tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành quản lý đất và công nghệ phân bón. Từ đó giúp sinh viên tìm kiếm và đọc các tài liệu khoa học quốc tế có liên quan đến các lãnh vực chuyên môn một cách dễ dàng và hiệu quả. Thêm vào đó kiến thức từ môn học này sẽ bổ sung nguồn từ vựng chuyên ngành thêm phong phú, phục vụ cho công tác nghiên cứu, trao đổi chuyên môn và học lên cao sau khi sinh viên tốt nghiệp ra trường.	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
73	NN510	Thực tập rèn nghề - KHD	2	Đây là học phần mở, nội dung của học phần nhằm tổ chức cho sinh viên tiếp cận, học tập và tham gia nghiên cứu, ứng dụng chuyên ngành Quản lí đất và công nghệ phân bón vào vận hành các thiết bị chế tạo phân bón, quản lí, sản xuất và kinh doanh nông nghiệp tại các cơ sở thực tập thực tế như các cơ quan ban ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, tài nguyên thiên nhiên, công ty phân bón và các trang trại, hợp tác xã, cánh đồng mẫu lớn,... và theo chuẩn đầu ra của các ngành. Sinh viên chủ động chia nhóm và đi thực tập rèn nghề dưới sự hướng dẫn và đánh giá của cán bộ tại cơ sở thực tập và cán bộ giảng dạy tại bộ môn.	Khoa Nông nghiệp
74	NN111	Phương pháp nghiên cứu khoa học - nông nghiệp	2	Môn phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học cơ sở chia làm 4 nội dung chính: (1) Các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu khoa học và các sản phẩm nghiên cứu khoa học. (2) Phương pháp xây dựng và viết đề cương nghiên cứu khoa học. (3) Các kỹ thuật thu thập số liệu trong nghiên cứu khoa học. (4) Cách trình bày báo cáo khoa học bằng slides, và các kỹ năng cần thiết để viết bài báo khoa học và luận văn tốt nghiệp đại học.	Khoa Nông nghiệp
75	NS399	Ứng dụng vi sinh trong xử lý ô nhiễm hữu cơ	2	Học phần sẽ tập trung vào những vấn đề liên quan đến sự ô nhiễm hóa chất hữu cơ ví dụ như: petroleum hydrocarbons (dầu khoáng), thuốc bảo vệ thực vật, PCBs, dioxins, chlorinated solvents và những độc chất đáng báo động khác trong môi trường, đặc biệt là môi trường đất. Rộng hơn nữa, học phần sẽ quan tâm tới những cơ chế kiểm soát các tiến trình xảy ra trong đất của độc chất hữu cơ; các nguồn ô nhiễm chính và cách phóng thích độc chất ra môi trường bên ngoài; các con đường chuyển hóa và tác động của độc chất trong môi trường; các phương pháp xác định nồng độ và các tiến trình của độc chất trong môi trường đất và làm thế nào để quản lý và xử lý ô nhiễm đất với các độc chất hữu cơ bằng các biện pháp sinh học.	Khoa Nông nghiệp
76	NS257	Khảo nghiệm và kiểm định phân bón	2	Học phần giới thiệu cho sinh viên biết vai trò của phân bón trong nông nghiệp và vấn đề môi trường và các qui định, qui chuẩn của quốc gia về lĩnh vực phân bón. Kiến thức về an toàn và sử dụng phân bón cũng được đề cập để làm cơ sở cho công tác kiểm định và khảo nghiệm phân bón. Sinh viên cũng sẽ được giới thiệu, tiếp cận những quyết định, thông tư và nghị định mới nhất của cơ quan nhà nước đối với quá trình sản xuất, kinh doanh và khảo nghiệm và kiểm định phân bón. Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về khảo nghiệm phân bón gồm các qui trình khảo nghiệm, các bước thực hiện và đánh giá kết quả khảo nghiệm. Các phương pháp, trình tự thu mẫu cho kiểm định chất lượng phân bón cũng sẽ được trang bị cho sinh viên qua các giờ học thực tập và ngoại khóa.	Khoa Nông nghiệp
77	NS243	Công nghệ sản xuất phân bón vô cơ	3	Học phần gồm năm chương nhằm đến nguyên lý cơ bản, công nghệ sản xuất các loại phân bón vô cơ chứa dưỡng chất đạm và lân, NPK có chủ yếu trên thị trường. Đồng thời học phần cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp tính toán các loại phân hỗn hợp ngoài thực tế. Sinh viên cũng sẽ được giới thiệu, tiếp cận những công nghệ sản xuất phân bón vô cơ thế hệ mới thông qua chuyên tham quan học tập và thực hành các dây chuyền, sản xuất tại nhà máy.	Khoa Nông nghiệp
78	NN531	Phân hữu cơ vi sinh	2	Nội dung kiến thức truyền đạt cho người học hiểu biết về ý nghĩa, giá trị của việc tái sử dụng các thải sinh học trong sản xuất nông nghiệp thành phân hữu cơ nhằm giảm ô nhiễm môi trường. Học phần giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng về biến chất thải sinh học thành phân hữu cơ vi sinh thông qua kỹ thuật ủ phân và nuôi trùn.	Khoa Nông nghiệp
79	NN326	Khuyến nông	2	Giúp sinh viên có kiến thức về lịch sử phát triển của khuyến nông thế giới, khuyến nông Việt Nam và tổng quan về khuyến nông. Đặc	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				điểm của nông dân, các phương pháp giảng dạy cho nông dân. Các phương pháp khuyến nông, ưu khuyết điểm của phương pháp và trường hợp ứng dụng của từng phương pháp. Ứng dụng “Phát triển kỹ thuật có sự tham gia (PTD)” trong công tác khuyến nông. Kỹ năng cho hoạt động khuyến nông.	
80	NN286	Nông nghiệp sạch và bền vững	2	Học phần “Nông nghiệp sạch và bền vững” được xây dựng làm 2 phần: phần 1 sinh viên sẽ được tiếp cận với 4 chương lý thuyết cơ bản; phần 2 sinh viên được hướng dẫn đi thực tập thực tế. Phần lý thuyết sinh viên được học về các khái niệm về sản xuất nông nghiệp bền vững và nông nghiệp sạch, xây dựng qui trình sản xuất nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn GlobalGAP và hữu cơ, biện pháp quản lý đất bền vững giúp tăng độ phì nhiêu hóa, lý, sinh học đất. Phần thực tập thực tế sinh viên sẽ được hướng dẫn tham quan các mô hình sản xuất cây trồng theo tiêu chuẩn GAP và hữu cơ ở một số địa phương thuộc khu vực đồng bằng Sông Cửu Long.	Khoa Nông nghiệp
81	NN546	Đất Việt Nam và đất thế giới	2	Môn học sẽ giới thiệu nguồn gốc, tiến trình hình thành đất, đặc điểm hình thái, tính chất, cách quản lý và sử dụng các nhóm đất ở Việt Nam do bồi tụ phù sa, phù sa biển và phong hóa tại chỗ được thành tạo theo điều kiện địa hình hoặc theo các miền khí hậu: ẩm đến bán ẩm ướt, từ khô hạn đến bán khô hạn.	Khoa Nông nghiệp
82	NS272	Quy định trong sản xuất và kinh doanh phân bón	2	Học phần kinh doanh trong nông nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về tình hình sản xuất và kinh doanh trong nông nghiệp trong bối cảnh Việt Nam hội nhập với quốc tế. Sinh viên được học tập, trao đổi về những kiến thức liên quan đến công việc khởi nghiệp và lập phương án sản xuất kinh doanh đối với các sản phẩm nông nghiệp. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên biết và nhận diện các rủi ro trong hoạt động sản xuất và kinh doanh nông nghiệp cũng như tiếp cận những quyết định, thông tư và nghị định của cơ quan nhà nước đối với quá trình sản xuất và kinh doanh nông nghiệp.	Khoa Nông nghiệp
83	KT360	Quản trị sản xuất	3	Kinh tế nông nghiệp & PTNT là môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong sản xuất và thị trường nông nghiệp bằng quan điểm và những công cụ phân tích của kinh tế học nhằm hướng đến sự phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Cụ thể, môn học bao gồm các nội dung: (1) Vai trò của nông nghiệp đối với nền kinh tế; (2) Kinh tế các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp; (3) Chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong nông nghiệp; (4) Lý thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng; (5) Cung cầu và sự cân bằng thị trường nông sản; (6) Phân tích thị trường nông nghiệp; (7) Định hướng phát triển nông nghiệp bền vững.	Khoa Kinh tế
84	NN288	Viễn thám đại cương	2	Học phần Viễn thám đại cương bao gồm các vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử phát triển của khoa học viễn thám và các hệ thống viễn thám phổ biến trên thế giới. - Nguyên lý cơ bản của viễn thám, cơ sở vật lý, cách thức thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám. - Vấn đề chung về bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ mặt trời, sự biến đổi năng lượng bức xạ mặt trời trong môi trường khí quyển, đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như đất, nước, thảm thực vật và các yếu tố ảnh hưởng đến đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên. - Các khái niệm chung về ảnh hàng không: nguyên lý chụp ảnh hàng không. - Khái niệm cơ bản về giai đoạn nh viễn thám: cơ sở giai đoạn tinh viễn thám; các phương pháp giai đoạn ảnh viễn thám và quy trình thành lập các loại bản đồ chuyên đề phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai bằng tư liệu ảnh viễn thám. 	Khoa Môi trường và TNTN
85	KT007	Kinh tế nông nghiệp và phát	2	Kinh tế nông nghiệp & PTNT là môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong sản xuất và thị trường nông nghiệp bằng quan điểm và	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		triển nông thôn		những công cụ phân tích của kinh tế học nhằm hướng đến sự phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Cụ thể, môn học bao gồm các nội dung: (1) Vai trò của nông nghiệp đối với nền kinh tế; (2) Kinh tế các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp; (3) Chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong nông nghiệp; (4) Lý thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng; (5) Cung cầu và sự cân bằng thị trường nông sản; (6) Phân tích thị trường nông nghiệp; (7) Định hướng phát triển nông nghiệp bền vững.	
86	CN004	Khí tượng thủy văn	2	Là môn học giới thiệu về các kiến thức cơ bản về khí tượng, khí hậu học, biến đổi khí hậu toàn cầu và khả năng cải tạo lại khí hậu, đại cương về sông ngòi và sự hình thành dòng chảy (mặt và ngầm). Mặt khác, sinh viên có thể phân tích các yếu tố khí tượng tác động đến chế độ thủy văn cũng như đặc tính thủy văn vùng ảnh hưởng thủy triều (vùng nghiên cứu Đồng bằng sông Cửu Long). Ngoài ra, có thể ước đoán được các hiện tượng vật lý xảy ra trên mặt đất, trong khí quyển và sự hình thành dòng chảy (mặt và ngầm) cũng như ảnh hưởng qua lại của các hiện tượng này với nhau. Môn học cũng giúp cho sinh viên hiểu rõ các diễn biến phức tạp của thiên nhiên nhằm phòng, chống, tránh một phần thiên tai, giảm nhẹ các rủi ro trong cuộc sống sản xuất và cải tạo môi trường sinh sống.	Khoa Môi trường & TNTN
87	NS508	Luận văn tốt nghiệp - Khoa học đất	14	Môn học giúp sinh viên thuộc chuyên ngành Quản lý đất và công nghệ phân bón tự ôn lại các kiến thức cơ bản đã học trên lớp và vận dụng các kiến thức này vào việc xử lý công việc thực tế tại các đơn vị thực tập. Luận văn tốt nghiệp-Quản lý đất và công nghệ phân bón được tổ chức thời gian thực hiện từ 3-6 tháng. Sinh viên tự chọn một trong những nội dung nghiên cứu liên quan các lĩnh vực Quản lý đất và công nghệ phân bón như: Hóa học đất, Vật lý đất, Sinh học đất, Xây dựng bản đồ đất, Khảo sát, phân loại đất, Vi hình thái đất, Quản lý dinh dưỡng cây trồng và phì nhiêu đất, Nghiên cứu sản xuất, đánh giá, sản xuất và khảo nghiệm phân bón...Các lĩnh vực nghiên cứu trên được tổ chức thiết kế, báo cáo, trình bày kết quả theo hình thức Luận văn tốt nghiệp và được cấu trúc thành 05 phần chính gồm: (1) Phần mở đầu, (2) Phần phương pháp nghiên cứu, (3) Phần Tổng quan tài liệu, (4) Phần kết quả và thảo luận và (5) Phần kết luận và kiến nghị. Nội dung luận Luận văn tốt nghiệp tối thiểu là 50 trang chưa bao gồm các Biểu bảng, Hình vẽ và Phụ lục.	Khoa Nông nghiệp
88	NS432	Tiểu luận tốt nghiệp - KHĐ	6	Tiểu luận tốt nghiệp Quản lý đất và công nghệ phân bón được tổ chức thời gian thực tập từ 1-3 tháng. Sinh viên tự chọn một trong những nội dung nghiên cứu liên quan các lĩnh vực Quản lý đất và phân bón như: Hóa học đất, Vật lý đất, Sinh học đất, Xây dựng bản đồ đất, Khảo sát, phân loại đất, Vi hình thái đất, Quản lý dinh dưỡng cây trồng và phì nhiêu đất, Nghiên cứu sản xuất, đánh giá và khảo nghiệm phân bón...Các lĩnh vực nghiên cứu trên được tổ chức thiết kế, báo cáo, trình bày kết quả theo hình thức Tiểu luận tốt nghiệp và được cấu trúc thành 05 phần chính gồm: (1) Phần mở đầu, (2) Phần phương pháp nghiên cứu, (3) Phần Tổng quan tài liệu, (4) Phần kết quả và thảo luận và (5) Phần kết luận và kiến nghị. Nội dung luận tiểu luận tốt nghiệp tối thiểu là 30 trang chưa bao gồm các Biểu bảng, Hình vẽ và Phụ lục. Phạm vi thí nghiệm cho Tiểu luận tốt nghiệp khuyến nghị thực hiện ở qui mô nhỏ, gọn (phòng thí nghiệm, nhà lưới, hay trang trại...)	Khoa Nông nghiệp
89	NN507	Đánh giá và phân tích số liệu đất, phân và cây	2	Phần lý thuyết trình bày kiến thức cơ bản về các đơn vị đo lường, dụng cụ trong phòng thí nghiệm, giới thiệu nguyên lý các phương pháp hoá phân tích phổ biến, các sai số trong phân tích và đánh giá các số liệu phân tích. Phần thực hành trình bày việc sử dụng các dụng cụ chuyên dùng trong phân tích một cách đúng đắn; bên cạnh đó sinh viên tự thực hiện một số phương pháp phân tích về hàm lượng các chất dinh dưỡng khoáng thiết yếu trong đất; qua các	Khoa Nông nghiệp

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				phương pháp phân tích giúp sinh viên thảo luận và đánh giá kết quả phân tích, kiểm tra (theo TCVN) chất lượng các loại đất, phân bón (nguyên tắc, hoá chất, thiết bị, cách làm, cách tính kết quả)	
90	MT340	Quản lý tài nguyên nước	2	Học phần được thiết kế nhằm giúp người học có kiến thức về quá trình thủy văn trong tự nhiên, trong đó tập trung vào động thái tài nguyên nước trên hệ thống sông, ao/hồ và nước dưới đất. Ngoài ra, một số vấn đề liên quan đến công tác quản lý tài nguyên nước hướng đến phát triển bền vững cũng được đề cập. Bên cạnh đó còn trang bị cho sinh viên các phương pháp, công cụ và kỹ năng hỗ trợ công tác quản lý tài nguyên nước. Ngoài ra, học phần cũng được thiết kế để giúp người học có thể liên hệ giữa kiến thức khoa học với thực tiễn nhằm giúp người học hiểu rõ hơn về những vấn đề xảy ra trong tự nhiên (liên quan đến nguồn tài nguyên nước) và đưa ra được một số lý giải khoa học và giải pháp để cải thiện những vấn đề còn tồn đọng trong công tác quản lý tài nguyên nước hiện nay, tập trung vào điều kiện cụ thể ở ĐBSCL.	Khoa Môi trường & TNTN
91	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2	Trang bị cho các em các kiến thức về thành phần, các chức năng của một hệ thống thông tin địa lý (GIS), kỹ năng về xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu địa lý, các chức năng phân tích dữ liệu không gian cũng như phi không gian, quá trình xây dựng và biên tập bản đồ chuyên đề trên một phần mềm GIS phổ dụng, đồng thời giới thiệu một số ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý trong quản lý Môi trường & TNTN, quản lý đất đai.	Khoa Nông nghiệp
92	NS294	Ứng dụng công nghệ cao trong quản lý đất và bón phân	2	Môn học giúp sinh viên thuộc chuyên ngành quản lý đất và Công nghệ phân bón nắm được các kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động của các thiết bị, công nghệ được ứng dụng trong canh tác nông nghiệp giúp sử dụng và quản lý nguồn dinh dưỡng, nước trong đất hiệu quả. Học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên tiếp cận các cơ sở sản xuất nông nghiệp có ứng dụng các hệ thống công nghệ hiện đại phục vụ trong sản xuất nông nghiệp.	Khoa Nông nghiệp

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

6. Phương pháp đánh giá

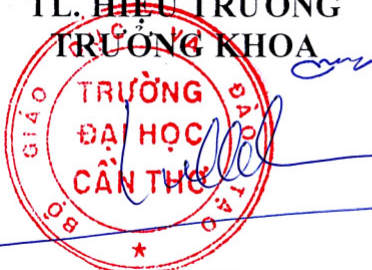
- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp,...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG BỘ MÔN

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA



Lê Văn Vàng

Trần Văn Dũng

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN